

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16-12-2020

Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hùng.

2. Ông Nguyễn Văn Sĩ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhân, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1976 (*có đơn xin vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp U, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977 (*có đơn xin vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp U, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2020, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07/12/2020 và Văn bản trình bày ý kiến ngày 07/12/2020 của nguyên đơn anh Trịnh Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T có tự tìm hiểu nhau trước một thời gian và được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới cho anh, chị năm 2000 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn thì anh, chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian từ năm 2000 đến năm 2010 thì anh, chị luôn bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên anh, chị thường xuyên cãi

nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh, chị cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không được và anh, chị đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay tình cảm giữa anh và chị T không hàn gắn lại được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Trịnh Quốc T, sinh ngày 18/8/2001 và Trịnh Quốc T, sinh ngày 12/12/2002. Theo đơn khởi kiện anh T yêu cầu được nuôi 01 người con Trịnh Quốc T, sinh ngày 12/12/2002 không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; tuy nhiên, theo biên bản hòa giải về con và tài sản ngày 16/11/2020 và đơn xin xét xử vắng mặt, văn bản trình bày ý kiến ngày 07/12/2020 anh T đồng ý giao con Trịnh Quốc T, sinh ngày 12/12/2002 cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Đối với người con Trịnh Quốc T, sinh ngày 18/8/2001 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản:

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

- Tại Văn bản ý kiến ngày 16/11/2020 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 16/11/2020 của bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T có tự tìm hiểu nhau trước một thời gian, sau đó được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới cho anh, chị năm 2000 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn thì anh, chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì anh T nói đi làm ăn nên chị tin tưởng nhưng anh T bỏ nhà đi không quan tâm vợ con để một mình chị nuôi con và anh T còn có phụ nữ khác bên ngoài đã làm phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng nên từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và anh, chị đã sống ly thân hơn 10 năm nay, thời gian này anh, chị có hàn gắn tình cảm nhưng không được nên chị T đồng ý ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Trịnh Quốc T, sinh ngày 18/8/2001 và Trịnh Quốc T, sinh ngày 12/12/2002. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi 01 người con Trịnh Quốc T, sinh ngày 12/12/2002, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với người con Trịnh Quốc T, sinh ngày 18/8/2001 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản:

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trịnh Văn T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Nguyễn Thị T, yêu cầu giải quyết về nuôi con. Đây là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn cư trú tại ấp U, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân chung sống như vợ chồng giữa anh Trịnh Văn T với chị Nguyễn Thị T là hoàn toàn tự nguyện và anh, chị đồng ý ly hôn nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T với chị T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 .

Về nuôi con chung: Anh Trịnh Văn T và chị Nguyễn Thị T trình bày trong thời gian chung sống anh, chị có 02 người con tên Trịnh Quốc T, sinh ngày 18/8/2001 và Trịnh Quốc T, sinh ngày 12/12/2002. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi 01 người con Trịnh Quốc T, sinh ngày 12/12/2002, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con (T hiện nay sống với chị T), anh T đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng và anh T không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi anh T và chị T ly thân cho đến nay, con chung do chị T nuôi dưỡng, trong quá trình nuôi dưỡng chị T vẫn đảm bảo cho cháu T có cuộc sống ổn định, phát triển tốt và sự thỏa thuận nuôi con của anh, chị không trái pháp luật.

Mặt khác, tại tờ tường trình ngày 16/11/2020 cháu Trịnh Quốc T có nguyện vọng sống với chị T, nên chấp nhận giao cháu T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 15 và khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với người con Trịnh Quốc T, sinh ngày 18/8/2001 đã trưởng thành anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết và theo Văn bản ý kiến ngày

26/11/2020 cháu Trịnh Quốc T không có tranh chấp nợ hay tài sản với anh, chị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Anh T và chị T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ: Anh T và chị T trình bày không có thiếu nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Tại phiên tòa, anh T và chị T vắng mặt. Xét thấy, anh, chị đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Nguyên đơn anh Trịnh Văn T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trịnh Văn T với chị Nguyễn Thị T.

2. Về nuôi con chung:

Giao con Trịnh Quốc T, sinh ngày 12/12/2002 (T hiện đang sống với chị T) cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh Trịnh Văn T không cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị T không yêu cầu.

Đối với người con Trịnh Quốc T, sinh ngày 18/8/2001 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Trịnh Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BI/2019/0010355 ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp, anh T đã nộp đủ án phí.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND T. Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hứa Quang Thông